

**KPMG**

**Công ty TNHH Một thành viên –  
Tổng Công ty Phát điện 3  
(Nay là Tổng Công ty Phát điện 3 –  
Công ty Cổ phần)**

**Báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ  
ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày  
30 tháng 9 năm 2018**

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

**Giấy Chứng nhận**  
**Đăng ký Doanh nghiệp số** 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp mới nhất là giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 5, ngày 27 tháng 9 năm 2018.

Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 trong kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2018 bao gồm:

**Chủ tịch** Ông Nguyễn Văn Lê

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 (ngày Công ty cổ phần chính thức hoạt động) trở về sau gồm:

<b>Hội đồng quản trị</b>	Ông Nguyễn Văn Lê Ông Đinh Quốc Lâm Ông Trương Quốc Phúc Ông Đỗ Mộng Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Đinh Quốc Lâm Ông Phan Thanh Xuân Ông Lê Văn Danh Ông Cao Minh Trung Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3 (nay là Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần) ("Tổng Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 7 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 23 tháng 11 năm 2018



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty cổ phần**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3 (nay là Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần) (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 11 năm 2018, được trình bày từ trang 7 đến trang 46.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **Vấn đề nhấn mạnh**

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ những lưu ý tới Thuyết minh 3(a)(ii), 3(a)(iii) và 3(a)(iv) trong báo cáo tài chính riêng.

- Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng.

- Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo hướng dẫn tại Điều 21 nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”). Theo đó, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo qui định, thay vì vào “Doanh thu hoạt động tài chính” hoặc “Chi phí tài chính”.

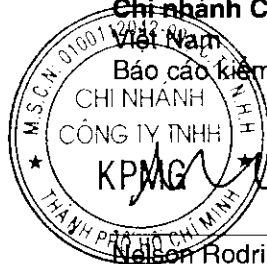
Hướng dẫn của Nghị định 126 có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(iv) của báo cáo tài chính riêng


### Các vấn đề khác

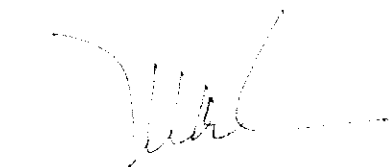
Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 7 đến trang 46. Thông tin bổ sung tại trang 47 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính riêng, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-897(a)



  
Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Tuấn  
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2018

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>18.448.589.379.547</b>	<b>15.911.984.977.103</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>4.095.791.382.299</b>	<b>4.449.120.834.886</b>
Tiền	111		3.365.791.382.299	2.969.120.834.886
Các khoản tương đương tiền	112		730.000.000.000	1.480.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>850.000.000.000</b>	<b>1.200.000.000.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	850.000.000.000	1.200.000.000.000
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>10.530.231.737.931</b>	<b>7.391.441.771.401</b>
Phải thu của khách hàng	131	6	9.862.131.495.296	7.030.596.801.381
Trả trước cho người bán	132		270.475.159.161	165.621.040.512
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	397.625.083.474	195.714.572.062
Dự phòng phải thu khó đòi	137		-	(490.642.554)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>2.898.840.532.277</b>	<b>2.781.600.703.141</b>
Hàng tồn kho	141		2.898.840.532.277	2.782.464.246.308
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(863.543.167)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>73.725.727.040</b>	<b>89.821.667.675</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		50.016.155.477	1.822.794.130
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.650.051.647	77.230.412.442
Thuế phải thu Nhà nước	153	13(b)	2.059.519.916	10.768.461.103

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/9/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>58.902.532.441.921</b>	<b>62.060.690.316.483</b>
<b>Phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.266.424.000</b>	<b>769.382.459</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.266.424.000	769.382.459
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>54.585.064.826.703</b>	<b>56.647.744.346.552</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	54.514.616.815.297	56.582.592.512.543
Nguyên giá	222		106.741.919.675.109	105.487.006.747.764
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.227.302.859.812)	(48.904.414.235.221)
Tài sản cố định vô hình	227	10	70.448.011.406	65.151.834.009
Nguyên giá	228		87.332.841.146	79.376.773.058
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.884.829.740)	(14.224.939.049)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.428.976.329.620</b>	<b>3.720.882.343.918</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.428.976.329.620	3.720.882.343.918
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5(b)</b>	<b>1.520.334.574.438</b>	<b>1.622.852.824.665</b>
Đầu tư vào công ty con	251		551.689.970.000	673.230.812.227
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		177.086.253.588	158.063.661.588
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>364.890.287.160</b>	<b>68.441.418.889</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		115.983.171.012	18.466.539.671
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		248.907.116.148	49.974.879.218
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>77.351.121.821.468</b>	<b>77.972.675.293.586</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

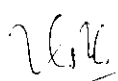
	Mã số	Thuyết minh	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>68.912.779.465.295</b>	<b>69.574.214.742.933</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.079.561.126.543</b>	<b>11.376.723.106.245</b>
Phải trả người bán	311	12	4.748.633.504.322	4.885.715.007.508
Người mua trả tiền trước	312		915.000.000	34.400.000
Thuế phải nộp Nhà nước	313	13(a)	148.506.925.628	188.422.579.756
Phải trả người lao động	314		129.565.615.844	216.468.292.691
Chi phí phải trả	315		112.116.800.683	99.892.998.160
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.952.466.021	15.890.415.131
Phải trả khác	319	14	3.296.360.917.698	955.367.252.544
Vay ngắn hạn	320	15(a)	5.372.536.262.741	4.749.925.918.560
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	842.500.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		254.973.633.606	264.163.741.895
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>54.833.218.338.752</b>	<b>58.197.491.636.688</b>
Doanh thu chưa thực hiện	336		382.744.919.575	394.113.580.552
Vay dài hạn	338	15(b)	54.450.473.419.177	57.803.378.056.136
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>8.438.342.356.173</b>	<b>8.398.460.550.653</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>8.438.342.356.173</b>	<b>8.398.460.550.653</b>
Vốn góp	411	17	10.478.234.644.194	10.561.944.694.725
Vốn khác	414		-	1.566.487.558
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	19	(2.378.304.250.451)	(2.449.196.948.778)
Quỹ đầu tư phát triển	418		227.818.534.828	170.044.801.501
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		110.593.427.602	114.101.515.647
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>77.351.121.821.468</b>	<b>77.972.675.293.586</b>

Ngày 23 tháng 11 năm 2018

Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

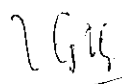
	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	27.813.335.663.247	34.683.735.158.343
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	24.231.139.245.639	30.620.724.191.140
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.582.196.417.608</b>	<b>4.063.010.967.203</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	400.888.467.757	285.484.917.613
Chi phí tài chính	22	24	3.408.772.723.895	3.756.031.492.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.025.166.808.801	2.626.329.546.170
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	306.539.480.734	340.840.095.669
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 · 22) - 26)</b>	<b>30</b>		<b>267.772.680.736</b>	<b>251.624.296.546</b>
Thu nhập khác	31		117.282.127.099	86.578.946.997
Chi phí khác	32		120.674.070.791	34.343.997.598
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.391.943.692)</b>	<b>52.234.949.399</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>264.380.737.044</b>	<b>303.859.245.945</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.662.857.650	123.781.680.588
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>262.717.879.394</b>	<b>180.077.565.357</b>

Ngày 23 tháng 11 năm 2018

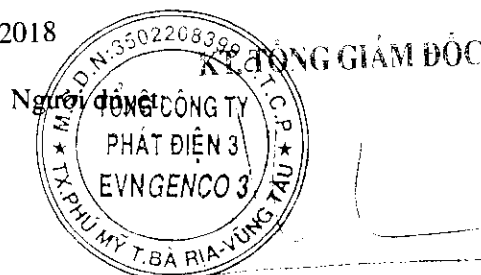
Người lập:



Trần Nguyễn Khánh Linh  
Người lập biểu



Vũ Phương Thảo  
Trưởng ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương  
Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018**  
**đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		264.380.737.044	303.859.245.945
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		3.330.479.855.224	4.998.467.612.289
Các khoản dự phòng	03		(2.196.685.721)	1.174.773.949
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.348.386.715.448	1.111.607.688.164
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(386.143.029.470)	(271.060.315.446)
Chi phí lãi vay	06		2.025.166.808.801	2.626.329.546.170
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6.580.074.401.326</b>	<b>8.770.378.551.071</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(6.132.250.074.887)	283.674.519.035
Biến động hàng tồn kho	10		(90.756.481.906)	(94.001.816.270)
Biến động các khoản phải trả	11		345.338.468.480	127.596.216.844
Biến động chi phí trả trước	12		(44.483.276.598)	1.494.643.726
			<b>657.923.036.415</b>	<b>9.089.142.114.406</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(341.297.629.558)	(2.576.256.512.757)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(84.599.501.404)	(1.065.896.106)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(118.647.725.039)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>113.378.180.414</b>	<b>6.511.819.705.543</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(597.604.980.089)	(1.336.316.430.064)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		90.000.000	57.876.218
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(850.000.000.000)	(1.000.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	24		1.200.000.000.000	230.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		295.834.582.206	274.923.565.355
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>48.319.602.117</b>	<b>(1.831.334.988.491)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

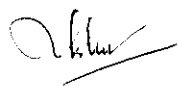
**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018**  
**đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
	Tiền thu từ đi vay	33 69.143.160.920	1.230.344.526.277
	Tiền chi trả nợ gốc vay	34 (584.069.444.301)	(3.119.212.766.075)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40 (514.926.283.381)</b>	<b>(1.888.868.239.798)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50 (353.228.500.850)</b>	<b>2.791.616.477.254</b>
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60 4.449.120.834.886</b>	<b>1.657.505.332.849</b>
	<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61 (100.951.737)</b>	<b>(975.217)</b>
	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ/năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70 4 4.095.791.382.299</b>	<b>4.449.120.834.886</b>

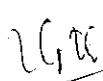
Ngày 23 tháng 11 năm 2018

Người lập:

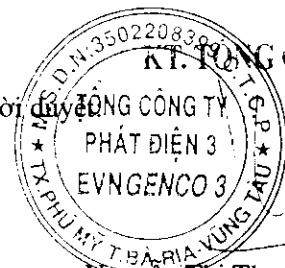


Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu

Người duyệt:



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng ban Tài chính – Kế toán



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc

## **Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

#### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3 (nay là Công ty Tổng công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần) (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3. Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 5, ngày 27 tháng 9 năm 2018. Theo đó, ngày bắt đầu hoạt động của Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 10 năm 2018.

#### **(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

## **Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa Các Nhà máy điện EVNGENCO 3;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Tổng Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2018: 3 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, Tổng Công ty có 2.633 nhân viên (1/1/2018: 2.539 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 là kỳ kế toán năm cuối cùng của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3. Kỳ kế toán năm đầu tiên của Tổng Công ty Phát điện 3 – Công ty Cổ phần là từ ngày 1 tháng 10 năm 2018 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Kỳ kế toán năm tiếp theo của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### (a) Ngoại tệ

##### (i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyên đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyển khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-CDKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 3195/GENCO3-TC-KT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp cổ phần lần đầu (“Công văn 3195”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### (ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 492.968.936.511 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: lần lượt giảm và tăng là 410.339.937.447 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (giảm định bộ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 605.520.036.993 VND (1/1/2018: lần lượt tăng và giảm 1.098.488.973.504 VND).



**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ***

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCĐN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 sẽ giảm và tăng tương ứng là 979.679.014.804 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: lần lượt giảm và tăng là: 514.677.440.921 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 371.028.960.470 VND (1/1/2018: lần lượt tăng và giảm 1.350.707.975.274 VND).

**(iv) *Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần***

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp Nhà nước, công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp Nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (“Nghị định 126”) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần, doanh nghiệp cổ phần hóa đánh giá lại theo quy định và không thực hiện kết chuyển vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, số dư khoản chênh lệch tỷ giá tại thời điểm này thực hiện chuyển giao cho công ty cổ phần (sau chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước) theo dõi và xử lý theo quy định.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần theo Thông tư 200 thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 sẽ tăng và giảm tương ứng là 1.401.755.252.988 VND, chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.401.755.252.988 VND.

## Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### (c) Các khoản đầu tư

#### (i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### (iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chúng khoản tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận trực tiếp.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy định quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyên	6 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ**

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Tổng Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn góp**

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ/năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ/năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ/năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ/năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Doanh thu từ tiền lãi**

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được xem có liên quan với Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/9/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.916.878.924	1.672.985.606
Tiền gửi ngân hàng	3.362.874.503.375	2.967.447.849.280
Các khoản tương đương tiền	730.000.000.000	1.480.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.095.791.382.299	4.449.120.834.886

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,7% - 5% một năm (năm 2017: 4,3% - 5,5% một năm).

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan, với lãi suất được hưởng là 5,3%-5,5% một năm (2017: 5,3%-5,5% một năm).

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/9/2018		1/1/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	79,56%	481.235.570.000	620.793.885.300	-
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	54,76%	70.454.400.000	96.522.528.000	-
▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức		-	-	-
			121.540.842.227	(*)
		551.689.970.000	717.316.413.300	673.230.812.227



**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/9/2018		1/1/2018	
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>				
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	(iv) 30,00%	190.500.000.000	466.725.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	(v) 30,55%	517.058.350.850	1.109.098.284.800	-
▪ Công ty Cổ phần Dầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	(vi) 30,00%	84.000.000.000	(*)	84.000.000.000 (*)
		791.558.350.850	-	791.558.350.850
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>				
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	83.022.592.000	187.662.592.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	74.463.661.588 (*)
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	19.600.000.000 (*)
		177.086.253.588	-	158.063.661.588

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 240/2005/QĐ-TT ngày 4 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức thành Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Nhiệt điện Thủ Đức. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

- (iv) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (vi) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/9/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty Mua bán điện	9.741.663.335.350	7.001.600.313.462
Nhà máy nhiệt điện Thái Bình (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	96.224.131.300	-
Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	13.705.661.200	9.171.757.100
Các bên liên quan khác	833.772.937	2.746.860.739
<b>Bên thứ ba</b>		
Các khách hàng khác	9.704.594.509	17.077.870.080
	<hr/>	<hr/>
	9.862.131.495.296	7.030.596.801.381
	<hr/>	<hr/>

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/9/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.211.873.623	98.292.977.878
Dự án nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 Mở Rộng	218.741.729.220	-
Cổ tức được chia	86.641.025.930	-
Lãi tiền gửi từ Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	5.395.890.411	2.722.222.222
Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 1	4.310.456.633	8.186.095.531
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	-	1.572.568.631
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Thủ Đức	-	435.505.600
Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc	-	3.327.218.134
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Hyundai Việt Nam	752.190.546	185.242.610
Lãi tiền gửi phải thu	23.040.452.704	17.656.699.559
Phải thu khác	51.531.464.407	63.336.041.897
	<hr/>	<hr/>
	397.625.083.474	195.714.572.062
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Hàng tồn kho**

	30/9/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	11.731.955.901	-	163.688.001.391	-
Nguyên vật liệu	2.799.216.025.315	-	2.541.490.544.990	(863.543.167)
Công cụ và dụng cụ	73.876.210.549	-	52.332.287.393	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	14.016.340.512	-	24.953.412.534	-
	<hr/>		<hr/>	
	2.898.840.532.277	-	2.782.464.246.308	(863.543.167)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ/năm như sau:

	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
Số dư đầu kỳ/năm	863.543.167	179.411.772
Tăng trong kỳ/năm	-	684.131.395
Hoàn nhập trong kỳ/năm	(863.543.167)	-
	<hr/>	<hr/>
	-	863.543.167

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	18.958.811.044.793	79.707.315.881.539	6.737.693.000.540	82.993.957.256	192.863.636	105.487.006.747.764
Tăng trong năm	7.129.369.552	10.928.494.141	3.550.043.596	5.571.732.404	-	27.179.639.693
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	62.590.143.203	57.577.111.856	20.420.287.342	1.215.807.777	-	141.803.350.178
Điều chỉnh theo quyết toán (Thuyết minh 11)	(739.482.502.757)	2.027.124.927.810	(235.539.763.697)	-	-	1.052.102.661.356
Chuyển sang đem vi khác trong EVN	-	-	(4.683.961.554)	(32.654.545)	-	(4.716.616.099)
Thanh lý	-	-	(2.092.305.354)	(87.443.050)	-	(2.179.748.404)
Điều chỉnh khác	(14.343.325.346)	55.066.965.967	-	-	-	40.723.640.621
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.274.704.729.445</b>	<b>81.858.013.381.313</b>	<b>6.519.347.300.873</b>	<b>89.661.399.842</b>	<b>192.863.636</b>	<b>106.741.919.675.109</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	5.459.061.011.055	40.808.769.611.393	2.586.296.408.471	50.133.872.998	153.331.304	48.904.414.235.221
Khấu hao trong năm	377.436.434.645	2.679.753.559.368	261.474.461.115	9.149.155.982	6.353.423	3.327.819.964.533
Chuyển sang đem vi khác trong EVN	-	-	(10.726.834)	-	-	(10.726.834)
Thanh lý	-	-	(2.092.305.354)	(87.443.050)	-	(2.179.748.404)
Điều chỉnh khác	(2.740.864.704)	-	-	-	-	(2.740.864.704)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.833.756.580.996</b>	<b>43.488.523.170.761</b>	<b>2.845.667.837.398</b>	<b>59.195.585.930</b>	<b>159.684.727</b>	<b>52.227.302.859.812</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	13.499.750.033.738	38.898.546.270.146	4.151.396.592.069	32.860.084.258	39.532.332	56.582.592.512.543
Số dư cuối năm	12.440.948.148.449	38.369.490.210.552	3.673.679.463.475	30.465.813.912	33.178.909	54.514.616.815.297

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 26.681.920.457.367 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (1/1/2018: 22.713.648.594.174 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2018, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.887 tỷ VND (1/1/2018: 1.963 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 15(b)(\*)).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyển giao công nghệ VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	64.452.359.739	11.153.522.171	3.770.891.148	-	79.376.773.058
Tăng trong năm	-	1.360.000.000	254.499.000	191.646.088	1.806.145.088
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	6.149.923.000	-	-	-	6.149.923.000
Số dư cuối năm	70.602.282.739	12.513.522.171	4.025.390.148	191.646.088	87.332.841.146
<b>Khấu hao trong năm</b>					
Số dư đầu năm	7.075.481.697	3.378.566.204	3.770.891.148	-	14.224.939.049
Khấu hao trong năm	1.814.307.931	823.142.473	18.471.702	3.968.585	2.659.890.691
Số dư cuối năm	8.889.789.628	4.201.708.677	3.789.362.850	3.968.585	16.884.829.740
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	57.376.878.042	7.774.955.967	-	-	65.151.834.009
Số dư cuối năm	61.712.493.111	8.311.813.494	236.027.298	187.677.503	70.448.011.406

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.377.520.014 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (1/1/2018: 4.377.520.014 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Số dư đầu năm	3.720.882.343.918	3.395.464.934.822
Tăng trong năm do mua mới	286.689.142.124	1.193.988.571.639
Chi phí lãi vay vốn hóa	15.396.266.976	12.197.470.951
Giảm do quyết toán (Thuyết minh 9)	(1.052.102.661.356)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(141.803.350.178)	(261.666.522.860)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(6.149.923.000)	-
Chuyển sang hàng tồn kho	(224.552.040.993)	(564.959.929.281)
Chuyển sang chi phí trả trước	(101.226.716.090)	-
Các biến động khác	(68.156.731.781)	(54.142.181.353)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.428.976.329.620	3.720.882.343.918

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	<b>30/9/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.221.947.927.450	1.546.836.406.303
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	162.729.518.607	711.263.163.190
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	660.160.223.232	897.011.032.903
Cảng than Vĩnh Tân	334.257.403.904	483.510.872.821
Các công trình khác	49.881.256.427	82.260.868.701
	<hr/>	<hr/>
	2.428.976.329.620	3.720.882.343.918

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Phải trả người bán**

	<b>30/9/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	40.559.377.525	-
Các bên liên quan khác	9.538.028.849	7.730.730.469
<b>Bên thứ ba</b>		
Công ty Vận chuyên khí Đông Nam Bộ	2.286.113.758.867	2.064.175.062.388
Công ty Shanghai Electric Group	1.486.382.804.864	1.525.447.889.495
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	489.926.170.619	395.747.166.558
General Electric GmbH (Switzerland)	-	441.888.029.101
Các nhà cung cấp khác	436.113.363.598	450.726.129.497
	<hr/>	<hr/>
	4.748.633.504.322	4.885.715.007.508
	<hr/>	<hr/>
Số có khả năng trả nợ	4.748.633.504.322	4.885.715.007.508
	<hr/>	<hr/>



**Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	30/9/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	34.879.709.620	741.788.726.188	(728.255.213.191)	(10.627.961.478)	37.785.261.139
Thuế nhà thầu	-	59.331.848.004	(53.826.682.451)	-	5.505.165.553
Thuế xuất nhập khẩu	-	15.839.556.738	(15.839.556.738)	-	-
Thuế tài nguyên	36.892.801.557	254.039.123.566	(251.633.627.243)	79.438.427	39.377.736.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.501.931.457	1.662.857.650	(84.599.501.404)	1.783.118.788	1.348.406.491
Thuế thu nhập cá nhân	3.677.497.728	60.054.514.426	(60.436.460.031)	-	3.295.552.123
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	30.470.639.394	116.131.957.307	(99.656.782.740)	56.512.701	47.002.326.662
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	22.139.254.904	(7.946.727.926)	(49.625)	14.192.477.353
Các loại thuế khác	-	16.089.634.880	(16.089.634.880)	-	-
	188.422.579.756	1.287.077.473.663	(1.318.284.186.604)	(8.708.941.187)	148.506.925.628

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại VND	30/9/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	10.627.961.478	-	-	(10.627.961.478)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	140.450.000	-	-	1.783.118.788	1.923.568.788
Thuế tài nguyên	-	-	-	79.438.427	79.438.427
Phí, lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	-	-	-	56.512.701	56.512.701
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	49.625	-	-	(49.625)	-
	10.768.461.103	-	-	(8.708.941.187)	2.059.519.916

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả khác**

	<b>30/9/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (a)	2.869.858.506.510	672.641.114.110
Các bên liên quan khác	32.584.350.397	-
<b>Bên thứ ba</b>		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	146.215.216.225	180.234.266.182
Phải trả về bán cổ phần	98.349.816.694	-
Chi phí chuyên gia	66.789.916.722	50.122.891.107
Phải trả khác	82.563.111.150	52.368.981.145
	<b>3.296.360.917.698</b>	<b>955.367.252.544</b>

(a) Chi tiết các khoản phải trả khác cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

	<b>30/9/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Gốc vay, lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu (chưa bù trừ qua tiền điện)	2.275.532.138.470	-
Lãi vay, phí vay lại, thuế nhà thầu phải trả đến ngày 30 tháng 9 năm 2018	519.881.469.214	672.519.931.249
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.444.898.826	-
Phải trả khác	-	121.182.861
	<b>2.869.858.506.510</b>	<b>672.641.114.110</b>

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Vay**

**(a) Vay ngắn hạn**

	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	30/9/2018 VND
	Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn đến hạn trả	4.749.925.918.560	4.774.760.459.049	(4.160.063.699.612)	5.372.536.262.741
Số có khả năng trả nợ	4.749.925.918.560			5.372.536.262.741

**(b) Vay dài hạn**

	Biến động trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	30/9/2018 VND
	Tăng VND	Giảm VND		
Vay dài hạn	57.803.378.056.136	69.143.160.920	(4.774.760.459.049)	54.450.473.419.177
			1.352.712.661.170	54.450.473.419.177

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/9/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Vay từ các tổ chức</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	103.604.510.566	119.480.387.242
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	97.395.223.254
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	2.068.000.000.000	2.350.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.572.868.821.888	1.741.390.481.376
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	260.000.000.000	290.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	78.777.118.612	102.393.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	92.068.364.311	184.132.364.311
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	202.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	221.369.062.761	-
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	233.945.112.081	164.801.951.161
			<b>4.630.632.990.219</b>	<b>5.767.593.525.956</b>
<b>Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	454.606.455.267	449.463.107.334
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.554.327.054.073	19.249.288.966.287
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	9.048.109.711.516	9.728.811.701.938

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Loại tiền</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>30/9/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.309.685.393.524	6.820.268.027.292
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.685.494.354.842	1.948.880.435.441
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	13.248.226.816.493	12.888.251.462.258
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	87.125.866.733	96.072.108.793
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	65.593.261.265	71.059.575.068
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	73.852.025.199	107.768.022.992
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	55.790.241.320	83.590.802.249
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	196.199.073.599	229.041.639.962
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	-	332.053.575.761
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.413.366.437.868	4.781.161.023.365
			<hr/>	<hr/>
			55.192.376.691.699	56.785.710.448.740
			<hr/>	<hr/>
			59.823.009.681.918	62.553.303.974.696
			<hr/>	<hr/>
Trong đó, thanh toán trong vòng 12 tháng			5.372.536.262.741	4.749.925.918.560

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay USD từ 2,01% đến 6,17% (năm 2017: từ 1,65% đến 5,15%).

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay VND từ 8,98% đến 10,03% (năm 2017: từ 8,80% đến 9,80%).

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay JPY từ 0,95% đến 2,75% (năm 2017: từ 1,15% đến 2,75%).

Lãi suất thực tế trong kỳ của các khoản vay CNY là 3,40% (năm 2017: 3,60%).

(\*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại là 1.887 tỷ VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2018 (1/1/2018: 1.963 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(3.374.214.327.146)	113.790.055.796	-	114.101.515.647	7.417.188.426.580
Tăng/(giảm) vốn trong năm	-	-	-	2.231.476.098	-	-	2.231.476.098
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	925.017.378.368	-	-	-	925.017.378.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	180.077.565.357	-	180.077.565.357
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	54.023.269.607	(54.023.269.607)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(126.054.295.750)	-	(126.054.295.750)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(2.449.196.948.778)	170.044.801.501	-	114.101.515.647	8.398.460.550.653
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	(3.327.218.134)	-	-	-	(74.444.898.826)	-	(77.772.116.960)
Chênh lệch tỷ giá trong kỳ	(94.925.424.397)	(1.566.487.558)	-	(21.540.842.227)	-	(3.508.088.045)	(121.540.842.227)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	70.892.698.327	-	-	-	70.892.698.327
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	262.717.879.394	-	262.717.879.394
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	78.815.363.818	(78.815.363.818)	-	-
Điều chỉnh khác	14.542.592.000	-	-	499.211.736	(109.457.616.750)	-	(109.457.616.750)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2018</b>	10.478.234.644.194	-	(2.378.304.250.451)	227.818.534.828	-	110.593.427.602	8.438.342.356.173

(\*) Theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức từ Tổng công ty Phát điện 3 về Tập đoàn Điện lực Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 năm 2018.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Vốn góp**

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Số dư đầu năm	10.561.944.694.725	10.561.944.694.725
Chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam (3.327.218.134)	(3.327.218.134)	-
Bản giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (94.925.424.397)	(94.925.424.397)	-
Tăng do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP	14.542.592.000	-
Số dư cuối năm	<u>10.478.234.644.194</u>	<u>10.561.944.694.725</u>

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Theo quyết định số 2100/QĐ-TTg ngày 27 tháng 12 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Phát điện 3. Tổng Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PGV theo quyết định số 114/QĐ-SGDHN ngày 14 tháng 3 năm 2018.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Chênh lệch tỷ giá hối đoái**

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)  
 Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)  
 Chênh lệch tỷ giá do xử lý tài chính theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP (iii)

	1/1/2018 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	30/9/2018 VND
	1.098.488.973.504	-	(492.968.936.511)	605.520.036.993
	1.350.707.975.274	(124.261.235.867)	(855.417.778.937)	371.028.960.470
	-	1.401.755.252.988	-	1.401.755.252.988
	2.449.196.948.778	1.277.494.017.121	(1.348.386.715.448)	2.378.304.250.451

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)  
 Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (ii)

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2017 VND
	1.508.828.910.951	6.869.803.197	(417.209.740.644)	1.098.488.973.504
	1.865.385.416.195	-	(514.677.440.921)	1.350.707.975.274
	3.374.214.327.146	6.869.803.197	(931.887.181.565)	2.449.196.948.778

- (i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Thuyết minh 3(a)(ii)).
- (ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Thuyết minh 3(a)(iii))
- (iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP (Thuyết minh 3(a)(iv)).



**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày**  
**30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phân phối lợi nhuận**

Theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	<b>30/9/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	6.859.086.978	6.090.521.991
Trong vòng hai đến năm năm	24.063.207.549	24.098.087.963
Sau năm năm	177.615.126.146	179.878.210.240
	<b>208.537.420.673</b>	<b>210.066.820.194</b>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/9/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	28.343,47	660.123.168	66.049,67	1.496.632.698
		<b>660.123.168</b>		<b>1.496.632.698</b>

**(c) Cam kết đầu tư**

Tại ngày 30/9/2018, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ đầu tư 886.571 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác trong ba tháng cuối năm 2018 (tại ngày 1/1/2018 là 1.110.868 triệu VND).

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Doanh thu tiêu thụ điện	27.501.515.645.601	34.431.989.442.960
Doanh thu dịch vụ khác	311.820.017.646	251.745.715.383
	<hr/> 27.813.335.663.247	<hr/> 34.683.735.158.343

**22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Giá vốn sản xuất điện	23.947.232.380.599	30.376.017.034.659
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	283.906.865.040	244.707.156.481
	<hr/> 24.231.139.245.639	<hr/> 30.620.724.191.140

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Lãi tiền gửi	92.847.217.900	68.507.442.171
Cổ tức, lợi nhuận được chia	293.205.811.570	202.496.617.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	14.835.438.287	14.480.858.442
	<hr/> 400.888.467.757	<hr/> 285.484.917.613

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Chi phí tài chính**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Chi phí lãi vay	2.025.166.808.801	2.626.329.546.170
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	35.213.748.256	18.088.860.427
Phân bổ lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.348.386.715.448	1.111.607.688.164
Chi phí tài chính khác	5.451.390	5.397.840
	<hr/>	<hr/>
	3.408.772.723.895	3.756.031.492.601

**25. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Chi phí nhân viên	152.471.328.280	170.580.729.813
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.343.723.184	51.553.623.260
Chi phí khác	113.724.429.270	118.705.742.596
	<hr/>	<hr/>
	306.539.480.734	340.840.095.669

**26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.114.562.778.021	22.238.246.665.976
Chi phí nhân công	548.065.444.767	559.068.098.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.242.786.753.074	4.971.145.525.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.883.184.708	503.524.895.011
Chi phí sửa chữa lớn	658.341.365.096	2.017.643.478.237
Chi phí khác	672.039.200.707	671.935.623.186
	<hr/>	<hr/>

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	1.662.857.650	123.779.583.959
Năm trước	-	2.096.629
	1.662.857.650	123.781.680.588

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	264.380.737.044	303.859.245.945
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	52.876.147.409	60.771.849.189
Chi phí không được khấu trừ thuế	7.472.333.915	211.341.128.605
Ưu đãi thuế	(44.461.362)	(107.834.070.435)
Thu nhập không bị tính thuế	(58.641.162.312)	(40.499.323.400)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	2.096.629
	1.662.857.650	123.781.680.588

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ/năm Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
<b>Tập đoàn Điện lực Việt Nam</b>		
Mua điện	82.358.020.559	116.078.200.082
Cung cấp dịch vụ	192.651.641.000	-
Vay trong năm	-	1.156.114.385.224
Thanh toán vay trong năm	3.575.994.255.311	2.346.513.218.606
Lãi vay	1.849.294.584.283	2.121.881.108.248
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.444.898.826	-
<b>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa</b>		
Cổ tức được chia	100.578.234.130	48.123.557.000
Mua dịch vụ	53.000.000	404.790.000
Cung cấp dịch vụ	-	230.454.545
<b>Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Ninh Bình</b>		
Cổ tức được chia	17.754.508.800	10.568.160.000
Mua dịch vụ	584.065.874	2.109.026.292
Cung cấp dịch vụ	106.144.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức</b>		
Mua dịch vụ	-	2.810.919.834
Cung cấp dịch vụ	454.634.481	95.454.545
<b>Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh</b>		
Cổ tức được chia	63.016.948.000	63.016.948.000
<b>Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà</b>		
Cổ tức được chia	24.765.000.000	41.910.000.000
<b>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A</b>		
Cổ tức được chia	37.800.000.000	16.800.000.000
<b>Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2</b>		
Cổ tức được chia	49.291.120.640	22.077.952.000
<b>Công ty Mua bán điện</b>		
Bán điện	27.501.515.645.601	34.431.989.442.960

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND	Năm kết thúc 31/12/2017 VND
<b>Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải</b> Cung cấp dịch vụ	216.048.000	2.913.513.946
<b>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)</b> Mua điện	9.388.082.831	8.074.281.106
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</b> Mua dịch vụ	-	3.079.872.790
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2</b> Mua dịch vụ Cung cấp dịch vụ	12.316.846.292 -	7.818.244.357 2.527.500.000
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3</b> Mua dịch vụ	1.671.848.605	540.403.916
<b>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4</b> Mua dịch vụ	73.611.566.892	11.652.664.648
<b>Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực</b> Thu lãi tiền gửi	16.907.914.765	23.864.750.000
<b>Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam</b> Mua dịch vụ	191.646.088	3.667.688.815
<b>CN Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam</b> Mua dịch vụ	1.807.411.029	1.363.951.146
<b>Cán bộ cấp quản lý</b> Quỹ tiền lương	3.747.600.000	5.062.674.000

**Công ty TNHH Một thành viên - Tổng Công ty Phát điện 3**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2018 đến ngày 30 tháng 9 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>Giai đoạn từ 1/1/2018 đến 30/9/2018 VND</b>	<b>Năm kết thúc 31/12/2017 VND</b>
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.564.540.602.810	1.790.350.748.397
Cần trừ công nợ phải trả EVN và phải thu công ty Mua bán điện	3.149.756.701.124	875.604.776.746
Tài sản cố định hữu hình chuyển sang hàng tồn kho	224.552.040.993	564.949.929.281
Bàn giao Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức (*)	121.540.842.227	-
Chuyên xây dựng cơ bản dở dang chuyển sang chi phí trả trước	101.226.716.090	-
Lợi nhuận chuyển về Tập đoàn Điện lực Việt Nam	74.444.898.826	-
Ghi nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (theo Nghị định 126/2017/NĐ-CP)	14.542.592.000	-
Bàn giao khoản vay về công ty mẹ	-	3.506.018.228.841
Tặng đầu tư vào công ty con bằng quỹ đầu tư phát triển	-	2.730.687.834

(\*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018, Tổng công ty đã chuyển giao quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức về Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 05/QĐ-EVN ngày 19 tháng 1 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

**30. Số liệu so sánh**

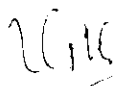
Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018

Người lập:

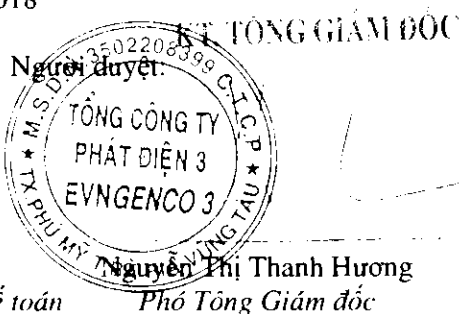


Trần Nguyễn Khánh Linh  
 Người lập biểu



Vũ Phương Thảo  
 Trưởng ban Tài chính – Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hương  
 Phó Tổng Giám đốc